

Số: /QĐ-UBND

Hồng Châu, ngày tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận kết quả tuyển dụng giáo viên Mầm non, Tiểu học,
Trung học cơ sở xã Hồng Châu năm 2026**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HỒNG CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Viên chức năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ công chức và Luật viên chức năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17/3/2025 của Bộ Nội vụ ban hành Nội quy và Quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức;

Căn cứ Quyết định số 62/2022/QĐ-UBND ngày 02/11/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định một số nội dung về quản lý tổ chức bộ máy, quản lý viên chức và lao động hợp đồng trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố Hải Phòng; Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND ngày 31/10/2024 của UBND thành phố Hải Phòng về sửa đổi, bổ sung một số điều Quy định một số nội dung về quản lý tổ chức bộ máy, quản lý viên chức và lao động hợp đồng tại các đơn vị sự nghiệp công lập của thành phố Hải Phòng ban hành kèm theo Quyết định số 62/2022/QĐ-UBND ngày 02/11/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố; Công văn số 2108/UBND-NVKTGS ngày 08/8/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc thực hiện một số nội dung phân cấp về quản lý tổ chức bộ máy, quản lý viên chức và lao động hợp đồng trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố Hải Phòng sau khi hợp nhất;

Căn cứ Kế hoạch số 111/KH-UBND ngày 29/12/2025 của Ủy ban nhân dân xã Hồng Châu về việc Tuyển dụng giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở năm 2026, xã Hồng Châu, thành phố Hải Phòng; Quyết định số 112/QĐ-UBND ngày 27/01/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Hồng Châu về việc thành lập Hội đồng tuyển dụng giáo viên trong các đơn vị sự nghiệp giáo dục thuộc xã Hồng Châu năm 2026;

Theo đề nghị của Hội đồng tuyển dụng giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở xã Hồng Châu năm 2026 tại tờ trình số 14/TTr-HĐTD ngày 10/02/2026.

QUYẾT ĐỊNH:


Điều 1. Công nhận kết quả tuyển dụng, kỳ tuyển dụng giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở năm 2026 đối với 73 thí sinh, trong đó:

- Số thí sinh trúng tuyển: 27 thí sinh;
- Số thí sinh không trúng tuyển: 32 thí sinh;
- Số thí sinh bỏ thi: 14 thí sinh.

(có danh sách và kết quả thi cụ thể kèm theo)

Điều 2. Giao Hội đồng tuyển dụng giáo viên xã Hồng Châu năm 2026 thông báo công khai Quyết định công nhận kết quả tuyển dụng trên Cổng thông tin điện tử của xã và gửi thông báo công nhận kết quả trúng tuyển bằng văn bản tới từng thí sinh dự xét tuyển theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã, Trưởng phòng Văn hóa-Xã hội, Trưởng phòng Kinh tế, Hội đồng tuyển dụng giáo viên năm 2026, Hiệu trưởng các trường Mầm non, Tiểu học và THCS, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan và thí sinh có tên trong danh sách tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. /- 

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Nội vụ; (đề b/c)
- Sở Giáo dục và Đào tạo; (đề b/c)
- TTĐU-TTHĐND xã; (đề b/c);
- Lãnh đạo UBND xã;
- Hội đồng tuyển dụng giáo viên xã;
- Cổng thông tin điện tử xã;
- Các trường MN, TH, THCS thuộc xã;
- Lưu: VT, VHXX.

Phạm Quang Hùng

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ HỒNG CHÂU

DANH SÁCH CÔNG NHẬN
KẾT QUẢ TUYỂN DỤNG GIÁO VIÊN XÃ HỒNG CHÂU NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định /QĐ-UBND ngày /02/2026 của Ủy ban nhân dân xã Hồng Châu)

STT	Phòng thi	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Vị trí đăng ký dự tuyển	Nơi đăng ký dự tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm vấn đáp	Tổng điểm	Kết quả
1	1	07	Đào Thị Chiêu	25/02/1984	Đại học	Giáo dục MN	GV Mầm non	Trường MN Tân Quang		65.0	65.0	Trúng tuyển
2	1	26	Nguyễn Thị Thu Hương	20/08/1996	Cao đẳng	Giáo dục MN	GV Mầm non	Trường MN Tân Quang		50.0	50.0	Không trúng tuyển
3	1	28	Bùi Thị Huyền	10/09/1992	Đại học	Giáo dục MN	GV Mầm non	Trường MN Tân Quang		49.5	49.5	Không trúng tuyển
4	1	35	Vũ Thị Khánh Linh	23/01/1996	Đại học	Giáo dục MN	GV Mầm non	Trường MN Hưng Long		75.0	75.0	Trúng tuyển
5	2	01	Lê Thị Kim Anh	04/08/1991	Cử nhân	GD Tiểu học	GV Văn hóa	Trường TH Văn Giang		35.0	35.0	Không trúng tuyển
6	2	21	Vũ Minh Hào	07/11/2003	Cử nhân	GD Tiểu học	GV Văn hóa	Trường TH Văn Giang	5.0		0.0	Bỏ thi
7	2	38	Lê Thị Ly	03/10/2003	Đại học	GD Tiểu học	GV Văn hóa	Trường TH Văn Giang		89.0	89.0	Trúng tuyển
8	2	43	Vũ Thị Nga	27/08/1986	Cử nhân	GD Tiểu học	GV Văn hóa	Trường TH Hưng Long		40.0	40.0	Không trúng tuyển
9	2	49	Nguyễn Thị Ngát	03/02/1987	Đại học	GD Tiểu học	GV Văn hóa	Trường TH Văn Giang			0.0	Bỏ thi
10	2	62	Lê Thị Thêu	11/03/1987	Đại học	GD Tiểu học	GV Văn hóa	Trường TH Hưng Long		75.0	75.0	Trúng tuyển
11	2	69	Nguyễn Thị Thuýn	06/10/1984	Cử nhân	GD Tiểu học	GV Văn hóa	Trường TH Văn Giang		50.0	50.0	Không trúng tuyển
12	2	73	Lê Thị Vui	21/08/1998	Đại học	GD Tiểu học	GV Văn hóa	Trường TH Văn Giang		75.0	75.0	Trúng tuyển
13	3	31	Hoàng Thị Kim	20/02/1989	Đại học	Công nghệ thông tin Chứng chỉ NVSP Tiểu học	GV Tin học	Trường TH Tân Quang		52.5	52.5	Không trúng tuyển
14	3	39	Phạm Thị Mai	10/06/1988	Cử nhân	Công nghệ thông tin Tốt nghiệp CĐSP Kỹ thuật Tin	GV Tin học	Trường TH Tân Quang			0.0	Bỏ thi
15	3	50	Trần Nghĩa	05/09/1999	Đại học	Công nghệ thông tin Chứng chỉ NVSP Tiểu học	GV Tin học	Trường TH Tân Quang II		82.0	82.0	Trúng tuyển
16	3	67	Phạm Hồng Thùy	06/10/1990	Kỹ sư	Công nghệ thông tin Chứng chỉ NVSP Tiểu học	GV Tin học	Trường TH Tân Quang		81.0	81.0	Trúng tuyển

STT	Phòng thi	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Vị trí đăng ký dự tuyển	Nơi đăng ký dự tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm văn đáp	Tổng điểm	Kết quả
17	3	15	Đặng Thị Việt Hà	06/07/1984	Cử nhân	Sư phạm Tin học	GV Tin học	Trường THCS Văn Giang		84.0	84.0	Trúng tuyển
18	3	33	Nguyễn Thị Lan	06/01/1990	Đại học	Sư phạm Tin học	GV Tin học	Trường THCS Hưng Thái		78.0	78.0	Trúng tuyển
19	3	61	Lê Thị Thảo	30/08/1992	Cử nhân	Sư phạm Tin học	GV Tin học	Trường THCS Văn Hội		48.0	48.0	Không trúng tuyển
20	4	10	Nguyễn Đắc Dân	12/04/1990	Đại học	Giáo dục thể chất	GV Thể dục	Trường TH Hưng Long		80.0	80.0	Trúng tuyển
21	4	24	Nguyễn Thị Kim Huệ	29/04/1991	Đại học	Giáo dục thể chất	GV Thể dục	Trường TH Văn Giang		82.0	82.0	Trúng tuyển
22	4	57	Đoàn Quang Thanh	21/09/1989	Đại học	Giáo dục thể chất	GV Thể dục	Trường THCS Văn Giang		85.5	85.5	Trúng tuyển
23	4	58	Lê Minh Thành	10/11/1994	Đại học	Thiết kế thời trang Chứng chỉ NVSP THCS	GV Mỹ Thuật	Trường THCS Tân Quang		45.0	45.0	Không trúng tuyển
24	4	66	Trương Thị Thùy	26/04/2001	Đại học	SP Âm nhạc	GV Âm nhạc	Trường THCS Hưng Thái			0.0	Bỏ thi
25	5	13	Nguyễn Thị Giang	03/05/1999	Cử nhân	Ngôn ngữ Anh Chứng chỉ NVSP Tiểu học	GV Tiếng Anh	Trường TH Văn Giang		71.5	71.5	Trúng tuyển
26	5	27	Đoàn Thị Hương	12/02/1999	Đại học	Ngôn ngữ Anh Chứng chỉ NVSP Tiểu học	GV Tiếng Anh	Trường TH Văn Giang		48.0	48.0	Không trúng tuyển
27	5	56	Nguyễn Thị Suốt	15/03/1992	Cử nhân	Ngôn ngữ Anh Chứng chỉ NVSP Tiểu học	GV Tiếng Anh	Trường TH Văn Giang		46.5	46.5	Không trúng tuyển
28	5	05	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	28/10/2003	Đại học	SP Tiếng Anh	GV Tiếng Anh	Trường THCS Hưng Long		78.5	78.5	Trúng tuyển
29	5	18	Nguyễn Thị Ngọc Hải	21/03/1991	Đại học	SP Tiếng Anh	GV Tiếng Anh	Trường THCS Tân Quang II		47.0	47.0	Không trúng tuyển
30	5	22	Nguyễn Thị Hiền	09/12/1994	Đại học	SP Tiếng Anh	GV Tiếng Anh	Trường THCS Hưng Long		49.0	49.0	Không trúng tuyển
31	5	45	Đào Thị Nga	06/09/1992	Đại học	SP Tiếng Anh	GV Tiếng Anh	Trường THCS Tân Quang II		77.0	77.0	Trúng tuyển
32	5	55	Phan Thị Phương Quỳnh	12/12/1991	Đại học	SP Tiếng Anh	GV Tiếng Anh	Trường THCS Hưng Long		46.5	46.5	Không trúng tuyển
33	6	08	Vũ Thị Chín	25/03/1986	Đại học	Văn học Tốt nghiệp CĐSP Văn-Sử	GV Ngữ Văn	Trường THCS Hưng Long	5.0	73.0	78.0	Không trúng tuyển
34	6	17	Nguyễn Thị Hà	01/03/1985	Đại học	SP ngữ Văn	GV Ngữ Văn	Trường THCS Hưng Long			0.0	Bỏ thi
35	6	40	Đào Chi Mai	18/07/2003	Đại học	SP ngữ Văn	GV Ngữ Văn	Trường THCS Hưng Thái			0.0	Bỏ thi

STT	Phòng thi	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Vị trí đăng ký dự tuyển	Nơi đăng ký dự tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm văn đáp	Tổng điểm	Kết quả
36	6	48	Nguyễn Thị Ngần	28/06/1987	Cử nhân	SP ngữ Văn	GV Ngữ Văn	Trường THCS Hưng Thái		75.0	75.0	Trúng tuyển
37	6	53	Đoàn Thị Bảo Ngọc	01/07/2002	Đại học	SP ngữ Văn	GV Ngữ Văn	Trường THCS Hưng Long		90.0	90.0	Trúng tuyển
38	7	19	Lê Thị Hằng	25/07/2002	Đại học	SP Ngữ Văn	GV Ngữ văn	Trường THCS Tân Quang		60.0	60.0	Không trúng tuyển
39	7	41	Phạm Thị Ngọc Mai	24/11/2003	Đại học	SP Ngữ Văn	GV Ngữ văn	Trường THCS Tân Quang		95.0	95.0	Trúng tuyển
40	7	46	Ngô Thị Nga	14/02/1993	Đại học	SP Ngữ Văn	GV Ngữ văn	Trường THCS Tân Quang		50.0	50.0	Không trúng tuyển
41	7	72	Vũ Thị Bích Vân	13/01/1999	Đại học	SP Ngữ Văn	GV Ngữ văn	Trường THCS Văn Giang		85.0	85.0	Trúng tuyển
42	7	25	Lê Đình Hùng	28/02/1995	Đại học	Lịch Sử Chứng chỉ NVSP THCS	GV Lịch sử	Trường THCS Tân Quang II		85.0	85.0	Trúng tuyển
43	7	16	Trần Thị Hà	20/08/1996	Đại học	SP Địa lý	GV Địa lý	Trường THCS Tân Quang II	5.0	90.0	95.0	Trúng tuyển
44	8	14	Vương Quỳnh Giang	10/11/2003	Đại học	SP Toán học	GV Toán	Trường THCS Hưng Thái		59.0	59.0	Không trúng tuyển
45	8	29	Lưu Thị Huyền	01/01/1996	Đại học	SP Toán học	GV Toán	Trường THCS Hưng Thái			0.0	Bỏ thi
46	8	32	Phạm Thị Lan	29/11/1987	Đại học	SP Toán học	GV Toán	Trường THCS Hưng Thái			0.0	Bỏ thi
47	8	44	Bùi Thị Nga	03/10/1988	Đại học	SP Toán học	GV Toán	Trường THCS Hưng Thái		81.0	81.0	Trúng tuyển
48	8	51	Phạm Thị Ngoan	05/01/1991	Đại học	SP Toán học	GV Toán	Trường THCS Hưng Thái		76.0	76.0	Không trúng tuyển
49	8	59	Phạm Thu Thảo	03/09/2003	Đại học	SP Toán học	GV Toán	Trường THCS Hưng Thái			0.0	Bỏ thi
50	8	63	Lê Thị Thò	05/07/2003	Đại học	SP Toán học	GV Toán	Trường THCS Hưng Thái		55.0	55.0	Không trúng tuyển
51	9	11	Nguyễn Thị Dung	26/10/1986	Đại học	SP Toán học	GV Toán	Trường THCS Tân Quang		89.0	89.0	Trúng tuyển
52	9	23	Nguyễn Thị Hồng	06/02/1995	Đại học	SP Toán học	GV Toán	Trường THCS Văn Giang			0.0	Bỏ thi
53	9	34	Nguyễn Thị Thanh Lê	12/01/1980	Đại học	SP Toán học	GV Toán	Trường THCS Tân Quang	5.0	66.5	71.5	Không trúng tuyển
54	9	37	Tạ Thị Bích Loan	05/03/1988	Đại học	SP Toán học	GV Toán	Trường THCS Văn Giang		90.0	90.0	Trúng tuyển
55	9	54	Nguyễn Xuân Phước	12/02/1999	Đại học	SP Toán học	GV Toán	Trường THCS Văn Giang		63.0	63.0	Không trúng tuyển

STT	Phòng thi	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Vị trí đăng ký dự tuyển	Nơi đăng ký dự tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm văn đáp	Tổng điểm	Kết quả
56	9	68	Nguyễn Thị Thu Thủy	13/12/2002	Đại học	SP Toán học	GV Toán	Trường THCS Tân Quang		60.0	60.0	Không trúng tuyển
57	10	20	Lê Hồng Hạnh	05/07/1993	Đại học	SP Vật Lý	GV Vật lý	Trường THCS Hưng Thái	5.0	57.0	62.0	Không trúng tuyển
58	10	42	Phạm Văn Nam	12/03/1989	Đại học	Cử nhân Vật Lý Chứng chỉ NVSP THCS	GV Vật lý	Trường THCS Hưng Thái		71.0	71.0	Trúng tuyển
59	10	52	Trần Thanh Ngọc	31/03/1997	Đại học	SP Vật Lý	GV Vật lý	Trường THCS Hưng Thái			0.0	Bỏ thi
60	10	60	Nguyễn Thị Thu Thảo	31/01/2002	Đại học	SP Vật Lý	GV Vật lý	Trường THCS Hưng Thái		33.0	33.0	Không trúng tuyển
61	10	02	Lỗ Phương Anh	16/09/2003	Đại học	SP Sinh học	GV Sinh học	Trường THCS Văn Giang		46.0	46.0	Không trúng tuyển
62	10	04	Đoàn Trần Phương Anh	05/06/2003	Đại học	SP Sinh học	GV Sinh học	Trường THCS Văn Giang		79.5	79.5	Trúng tuyển
63	10	64	Vũ Thị Thu	08/09/1989	Cử nhân	SP Sinh học	GV Sinh học	Trường THCS Văn Giang		66.0	66.0	Không trúng tuyển
64	11	03	Đỗ Thị Vân Anh	22/02/1990	Cử nhân	SP Hóa học	GV Hóa học	Trường THCS Tân Quang II		70.0	70.0	Không trúng tuyển
65	11	06	Ngô Tùng Chi	09/10/2002	Đại học	SP Hóa học	GV Hóa học	Trường THCS Tân Quang II		35.0	35.0	Không trúng tuyển
66	11	09	Lương Mạnh Cường	14/02/1988	Đại học	SP Hóa học	GV Hóa học	Trường THCS Tân Quang II			0.0	Bỏ thi
67	11	12	Nguyễn Xuân Dũng	17/02/1987	Đại học	SP Hóa học	GV Hóa học	Trường THCS Tân Quang II			0.0	Bỏ thi
68	11	30	Đào Thị Huyền	18/10/1991	Đại học	SP Hóa học	GV Hóa học	Trường THCS Tân Quang II		75.0	75.0	Không trúng tuyển
69	11	36	Phạm Nhật Linh	14/03/1997	Đại học	SP Hóa học	GV Hóa học	Trường THCS Tân Quang II	5.0	46.0	51.0	Không trúng tuyển
70	11	47	Trịnh Thị Ngân	18/09/1991	Đại học	SP Hóa học	GV Hóa học	Trường THCS Tân Quang II			0.0	Bỏ thi
71	11	65	Nguyễn Thị Kim Thuy	13/12/1983	Đại học	SP Hóa học	GV Hóa học	Trường THCS Tân Quang II		65.0	65.0	Không trúng tuyển
72	11	70	Phạm Thị Thùy Trang	18/08/2002	Đại học	SP Hóa học	GV Hóa học	Trường THCS Tân Quang II		88.0	88.0	Trúng tuyển
73	11	71	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	03/11/1999	Đại học	SP Hóa học	GV Hóa học	Trường THCS Tân Quang II		74.0	74.0	Không trúng tuyển

Trang